Danh sách chi tiết hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Đại Từ xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 107/NQ-HĐND tỉnh ngày 10/12/2024

(Kèm theo Báo cáo thuyết minh ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ)

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa điểm *(xã, phường, thị trấn, huyện...)*	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Loại đất *(LUC, LUK, RSX, RPH hoặc RDD)*	Diện tích, loại đất xin chuyển mục đích (ha)				
						Tổng diện tích xin chuyển mục đích	Trong đó:			
							Sang đất ở	Sang đất trồng cây lâu năm	Sang đất trồng cây hàng năm khác	Sang đất nuôi trồng thủy sản
I	**Thị trấn Hùng Sơn**									
1	Nguyễn Thị Khánh	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	104	62	LUC	0,0139	0,0139			
2	Nguyễn Thị Thủy	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	891	36	LUC	0,0088	0,0088			
3	Trần Văn Tuấn	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	120	62	LUC	0,0247	0,0247			
4	Hứa Thiên Long	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ	42	67	LUK	0,02	0,02			
II	**Thị trấn Quân Chu**									
1	Nguyễn Khắc Tíu	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ	142, 156	64	LUK	0,04845		0,0485		
2	Triệu Văn Tưởng	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ	23	9	RSX	0,1089		0,1089		
3	Triệu Đức Dũng	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ	1	7	LUK	0,1078		0,1078		
4	Đỗ Văn Trung	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ	15	35	LUK	0,0139		0,0139		
III	**Xã Bình Thuận**									
1	Nguyễn Thị Diệu Thúy	Xã Bình Thuận, huyện Đại Từ	819	10	LUC	0,0092	0,0092			
2	Triệu Anh Tuấn	Xã Bình Thuận, huyện Đại Từ	190, 818	10	LUC	0,0324	0,0324			
3	Hoàng Anh Đức	Xã Bình Thuận, huyện Đại Từ	326	25	RSX	0,03	0,03			
4	Nguyễn Thị Hòa	Xã Bình Thuận, huyện Đại Từ	354A	3	LUC	0,0172	0,0172			
IV	**Xã Cát Nê**									
1	Vũ Đình Tú	Xã Cát Nê, huyện Đại Từ	459	9	LUK	0,01	0,01			
V	**Xã Vạn Phú**									
1	Ngô Thị Thắm	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	40	41	LUC	0,03	0,03			
2	Trần Văn An	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	62	9	LUC	0,0132	0,0132			
3	Ngô Văn Hường	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	32	24	LUC	0,0345	0,0345			
4	Đinh Công Chí	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	633	25	LUC	0,04	0,04			
5	Lê Văn Sử	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	628	19	LUC	0,036	0,036			
6	Nguyễn Thị Huyền	Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ	216	23	LUC	0,04	0,04			
VI	**Xã Hoàng Nông**									
1	Nguyễn Văn Tuyên	Xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ	920	8	LUC	0,013	0,013			
VII	**Xã Văn Yên**									
1	Nguyễn Văn Thanh	Xã Văn Yên huyện Đại Từ	87	24	LUC	0,0384	0,0384			

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa điểm *(xã, phường, thị trấn, huyện...)*	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Loại đất *(LUC, LUK, RSX, RPH hoặc RDD)*	Diện tích, loại đất xin chuyển mục đích (ha)				
						Tổng diện tích xin chuyển mục đích	Trong đó:			
							Sang đất ở	Sang đất trồng cây lâu năm	Sang đất trồng cây hàng năm khác	Sang đất nuôi trồng thủy sản
1	Nguyễn Văn Tuyên	Xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ	920	8	LUC	0,013	0,013			
VII	**Xã Văn Yên**									
1	Nguyễn Văn Thanh	Xã Văn Yên huyện Đại Từ	87	24	LUC	0,0384	0,0384			
VIII	**Xã Phúc Lương**									
1	Trần Văn Trọng	Xã Phúc Lương, huyện Đại Từ	138	47	RSX	0,01	0,01			
2	Trần Văn Long	Xã Phúc Lương, huyện Đại Từ	131	47	RSX	0,0261	0,0261			
IX	**Xã Lục Ba**									
1	Nguyễn Văn Hiền	Xã Lục Ba. huyện Đại Từ	121	13	RSX	0,02	0,02			
2	Trần Văn Thắng	Xã Lục Ba. huyện Đại Từ	313	25	LUC	0,0688		0,0688		
X	**Xã An Khánh**									
1	Đặng Văn Sự	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	302	33	LUK	0,037		0,037		
2	Trịnh Văn Trường	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	444	14	LUK	0,0374		0,0374		
3	Trần Thị Anh	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	6	12	LUK	0,0559		0,0559		
			30	12	LUK	0,0291		0,0291		
4	Bùi Thị Lợi	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	393	14	LUK	0,0154		0,0154		
5	Nguyễn Văn Quyền	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	543	14	LUK	0,0276		0,0276		
6	Phạm Thế Kỷ	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	390	14	LUC	0,0384		0,0384		
			389	14	LUC	0,0246		0,0246		
7	Nguyễn Văn Chiến	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	68	30	LUK	0,0158		0,0158		
	Nguyễn Văn Chiến	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	67	30	LUK	0,0141		0,0141		
8	Nguyễn Thị Tiến	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	471	14	LUK	0,0345		0,0345		
9	Nguyễn Tiến Việt	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	234	53	LUK	0,0577		0,0577		
			214	53	LUK	0,0301		0,0301		
			236	53	LUK	0,0471		0,0471		
			237	53	LUK	0,0489		0,0489		
10	Nguyễn Văn Thảo	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	201	54	LUK	0,0394		0,0394		
			202	54	LUK	0,0309		0,0309		
			203	54	LUK	0,034		0,034		
11	Nguyễn Hồng Thái	Xã An Khánh, huyện Đại Từ	295	53	LUK	0,0407		0,0407		
			311	53	LUK	0,0155		0,0155		
			294	53	LUK	0,0265		0,0265		
			312	53	LUK	0,0219		0,0219		
XI	**Xã Phú Cường**									
1	Vũ Diệu Hương	Xã Phú Cường, huyện Đại Từ	73	57	RSX	0,035	0,035			
2	Triệu Bích Liên	Xã Phú Cường, huyện Đại Từ	260	48	LUC	0,031	0,031			

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa điểm *(xã, phường, thị trấn, huyện...)*	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Loại đất *(LUC, LUK, RSX, RPH hoặc RDD)*	Diện tích, loại đất xin chuyển mục đích (ha)				
						Tổng diện tích xin chuyển mục đích	Trong đó:			
							Sang đất ở	Sang đất trồng cây lâu năm	Sang đất trồng cây hàng năm khác	Sang đất nuôi trồng thủy sản
3	Âu Thị Hồng	Xã Phú Cường, huyện Đại Từ	194	11	RSX	0,04	0,040			
XII	**Xã Cù Vân**									
1	Nguyễn Bá Tiền	Xã Cù Vân, huyện Đại Từ	253	18	LUK	0,0615		0,0615		
2	Nguyễn Tiến Viết	Xã Cù Vân, huyện Đại Từ	403	19	LUK	0,0227		0,0227		
			404	19	LUK	0,014		0,014		
			405	19	LUK	0,025		0,025		
			406	19	LUK	0,0163		0,0163		
XIII	**Xã La Bằng**									
1	Hoàng Văn Thọ	Xã La Bằng, huyện Đại Từ	233	11	LUC	0,0191	0,019			
XIV	**Xã Tân Thái**									
1	Hoàng Thị Nhàn	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	209	29	RSX	0,06	0,06			
XVI	**Xã Yên Lãng**									
1	Vũ Văn Ngọ	Xã Yên Lãng huyện Đại Từ	101	4	RSX	0,03	0,03			
2	Mạc Văn Cung	Xã Yên Lãng huyện Đại Từ	125	48	LUC	0,02	0,02			
3	Phạm Văn Đoán	Xã Yên Lãng huyện Đại Từ	288	36	LUC	0,0575		0,0575		
XVII	**Xã Khôi Kỳ**									
1	Đồng Ngọc Ý	Xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ	9	27	LUK	0,0187	0,0187			
2	Hoàng Thị Thảo	Xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ	9	21	LUK	0,025	0,025			
3	Nguyễn Trần Kiên	Xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ	710	25	LUC	0,023	0,023			
XVIII	**Xã Bản Ngoại**									
1	Nguyễn Xuân Lập	Xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ	158	34	LUK	0,0099	0,0099			
			159	34	LUC	0,0019	0,0019			
2	Nguyễn Văn Hậu	Xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ	548	45	LUC	0,0377	0,0377			
XIX	**Xã Tiên Hội**									
1	Chu Văn Kham	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	764	8	RSX	0,04	0,04			
2	Phan Văn Minh	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ	446	4	LUC	0,0096		0,0096		
			448	4	LUC	0,0087		0,0087		
			483	4	LUK	0,0505		0,0505		
XX	**Xã Phú Thịnh**									
1	Nguyễn Văn Thư	Xã Phú Thịnh, huyện Đại Từ	74	20	LUC	0,0465	0,0465			
2	Dương Thị Thu	Xã Phú Thịnh, huyện Đại Từ	23	15	LUC	0,073		0,073		
			38	15	LUK	0,1341		0,1341		
			70	16	LUC	0,0596		0,0596		
			117	16	LUK	0,0247		0,0247		

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa điểm *(xã, phường, thị trấn, huyện...)*	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Loại đất *(LUC, LUK, RSX, RPH hoặc RDD)*	Diện tích, loại đất xin chuyển mục đích (ha)				
						Tổng diện tích xin chuyển mục đích	Trong đó:			
							Sang đất ở	Sang đất trồng cây lâu năm	Sang đất trồng cây hàng năm khác	Sang đất nuôi trồng thủy sản
3	Ngọc Thị Văn	Xã Phú Thịnh, huyện Đại Từ	49	34	LUK	0,0416		0,0416		
			50	34	LUK	0,0477		0,0477		
			79	35	LUK	0,0205		0,0205		
			88	35	LUK	0,044		0,044		
			90	35	LUK	0,0505		0,0505		
			102	35	LUK	0,06		0,06		
			103	35	LUK	0,0491		0,0491		
XXI	**Xã Hà Thượng**									
1	Nguyễn Thị Hẹ	Xã Hà Thượng, huyện Đại Từ	8	10	LUC	0,02	0,02			